

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

LA NGUYỄN THÙY DUNG

**GIẢI PHÁP NÂNG CAO GIÁ TRỊ GIA TĂNG
SẢN PHẨM LÚA GẠO GÓP PHẦN NÂNG CAO
THU NHẬP CHO NÔNG HỘ NGHÈO TRỒNG LÚA
Ở TỈNH AN GIANG**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP
MÃ NGÀNH: 62 62 01 15**

Cần Thơ, 03-2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

LA NGUYỄN THÙY DUNG

**GIẢI PHÁP NÂNG CAO GIÁ TRỊ GIA TĂNG
SẢN PHẨM LÚA GẠO GÓP PHẦN NÂNG CAO
THU NHẬP CHO NÔNG HỘ NGHÈO TRỒNG LÚA
Ở TỈNH AN GIANG**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP
MÃ NGÀNH: 62 62 01 15**

**HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS.TS. MAI VĂN NAM**

Cần Thơ, 03-2017

LỜI CẢM TẠ

Tôi xin chân thành cảm ơn quý Thầy Cô trường Đại học Cần Thơ và trường Đại học Copenhagen đã tận tình truyền đạt kiến thức và kinh nghiệm bổ ích, đặc biệt trong chuyên ngành Kinh tế Nông nghiệp để giúp tôi hoàn thành luận án này.

Xin cảm ơn gia đình, quý đồng nghiệp, bạn bè đã ủng hộ, đóng góp, chia sẻ kiến thức, thông tin, tài liệu cho tôi trong suốt quá trình học tập và thực hiện luận án. Đặc biệt, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất đến Phó Giáo sư Tiến sĩ Mai Văn Nam- người đã đưa ra những định hướng nghiên cứu và đóng góp ý kiến quan trọng nhất cho luận án. Được làm việc với Thầy là một cơ hội tốt cho tôi được học tập và rèn luyện về kiến thức chuyên môn lẫn tinh thần làm việc.

Cám ơn Giáo sư Henrik Hansen, Giáo sư Niels Fold, Phó Giáo sư Tiến sĩ Võ Thành Danh, Phó Giáo sư Tiến sĩ Lưu Thanh Đức Hải, Phó Giáo sư Tiến sĩ Trương Đông Lộc, Phó Giáo sư Tiến sĩ Phạm Lê Thông và các thành viên trong dự án Agropop đã tư vấn, hỗ trợ, tạo điều kiện để tôi thực hiện luận án một cách tốt nhất.

Cám ơn chị Lý Thị Thanh Tuyền, chị Mã Lan Xuân, anh Trần Chế Linh, anh Nguyễn Hoàng Chương đã hỗ trợ, tư vấn nhiệt tình trong quá trình tôi thu thập thông tin, dữ liệu và thực hiện luận án tại tỉnh An Giang.

Cần Thơ, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Nghiên cứu sinh

La Nguyễn Thùy Dung

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của bản thân. Các số liệu, kết quả trình bày trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất cứ công trình luận án nào trước đây.

Tác giả luận án

La Nguyễn Thùy Dung

TÓM TẮT

Luận án “**Giải pháp nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm lúa gạo góp phần nâng cao thu nhập cho nông hộ nghèo trồng lúa ở tỉnh An Giang**” được thực hiện với tổng số quan sát là 291 bao gồm các tác nhân tham gia chuỗi giá trị cùng các nhà hỗ trợ, dịch vụ hỗ trợ. Trên cơ sở vận dụng khung lý thuyết về cách tiếp cận chuỗi giá trị của Kaplinsky và Morris (2001) và lý thuyết “Liên kết chuỗi giá trị - ValueLinks” (2007) của Eschborn GTZ; kết hợp kế thừa các kết quả nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước, luận án tập trung nghiên cứu vào đối tượng nông hộ trồng lúa, đặc biệt là các hộ nghèo (theo tiêu chuẩn hộ nghèo của Việt Nam).

Các mục tiêu nghiên cứu chính của luận án là: Phân tích thực trạng sản xuất lúa, chế biến và tiêu thụ gạo trên địa bàn tỉnh An Giang; Phân tích giá trị gia tăng và phân phối giá trị gia tăng giữa các tác nhân tham gia trong chuỗi giá trị; Phân tích mức độ đóng góp từ giá trị gia tăng được phân phối đến thu nhập của hộ nghèo trồng lúa; Đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm gạo, từ đó cải thiện thu nhập cho nông dân nghèo trồng lúa trên địa bàn tỉnh An Giang trong thời gian sắp tới.

Kết quả nghiên cứu của luận án cho thấy:

- Các nông hộ nghèo tại An Giang có diện tích đất trồng lúa khá nhỏ, manh mún nên đã gặp nhiều khó khăn trong quá trình sản xuất riêng lẻ cũng như khả năng tham gia mô hình sản xuất liên kết với các doanh nghiệp là rất thấp. Các nông hộ này đạt năng suất bình quân thấp hơn năng suất trung bình của tỉnh. Giống lúa thường IR50404 được đa số các nông hộ nghèo chọn trồng. Họ canh tác chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, không áp dụng tiến bộ kỹ thuật, mua chịu vật tư nông nghiệp nên chi phí sản xuất cao hơn trong khi khả năng tiếp cận thông tin thị trường thấp hơn so với các nhóm nông hộ trồng lúa khác. Thương lái là thị trường tiêu thụ lúa tươi duy nhất của nhóm nông hộ nghèo. Và đây là nguyên nhân làm cho số lượng kênh thị trường mà nông hộ nghèo tham gia ít hơn so với nhóm nông hộ không nghèo trồng lúa.

- Có sự khác biệt hiệu quả phân phối, hiệu quả chi phí, giá bán, giá trị gia tăng và giá trị gia tăng thuần giữa hai nhóm nông hộ nghèo và không nghèo. Nghiên cứu đã cho thấy nhóm nông hộ nghèo có các chỉ tiêu này luôn thấp hơn so với nhóm nông hộ không nghèo. Khi giá bán giảm, trong điều kiện các khoản chi phí không đổi làm cho giá trị gia tăng và lợi nhuận/kg của các nhóm nông hộ bị giảm. Khi giá giảm từ 20% so với giá ban đầu, nông dân trồng lúa

nghèo sẽ bị lỗ. Ngoài ra, khi chi phí trung gian giảm mặc dù giá bán không thay đổi làm cho giá trị gia tăng và giá trị gia tăng thuần của nông dân được tăng lên, đồng thời khoảng cách chênh lệch về lợi nhuận/kg của các nhóm được thu hẹp lại.

- Phần lớn mối liên kết giữa các tác nhân tham gia chuỗi đều không mang tính chính thống và chặt chẽ với nhau. Các tác nhân cung cấp thông tin thị trường, hỗ trợ nhau trong hoạt động kinh doanh chủ yếu dựa trên mối quan hệ quen biết, vì thực tế họ phải cạnh tranh với nhau nên sự liên kết ngang gần như là không tồn tại. Trong quá trình tham gia chuỗi, các tác nhân chịu mức độ ảnh hưởng cao từ rủi ro do thị trường.

- Nhằm nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm lúa gạo góp phần cải thiện thu nhập cho nông hộ nghèo trồng lúa tại An Giang, luận án đề xuất một số giải pháp đối với nông hộ nghèo như: nếu nông hộ vẫn muốn duy trì hình thức sản xuất riêng lẻ, nông hộ nghèo nên lựa chọn hoặc sản xuất 2 vụ lúa/năm hoặc luân canh cây trồng; có thể tiếp tục trồng lúa giống IR50404 nhưng về lâu dài nên chuyển sang giống lúa chất lượng cao; chủ động nâng cao chất lượng lúa giống bằng cách chọn mua lúa giống xác nhận tại những cơ sở có uy tín; nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn và khả năng tiếp cận thị trường để giảm chi phí sản xuất; chú trọng xây dựng mối quan hệ hợp tác, liên kết giữa nông hộ với nông hộ, nông hộ với thương lái và nông hộ với hợp tác xã, tổ hợp tác. Tuy nhiên, để phù hợp với chính sách và xu hướng phát triển ngành hàng lúa gạo của tỉnh An Giang và Việt Nam trong thời gian sắp tới, nông hộ nghèo cần chuyển đổi từ hình thức sản xuất riêng lẻ sang hình thức sản xuất hợp tác. Chủ động tham gia tổ hợp tác, hợp tác xã sẽ giúp nông hộ nghèo có cơ hội tham gia mô hình sản xuất liên kết và nhận được nhiều lợi ích khi tham gia mô hình này. Và để sự liên kết sản xuất giữa hộ nghèo và doanh nghiệp mới mang tính ổn định, lâu dài thì rất cần thiết việc nông hộ phải có ý thức trách nhiệm và tính kỷ luật để đảm bảo thực hiện các điều khoản được ký kết trong hợp đồng.

- Bên cạnh một số giải pháp cho nông hộ nghèo, luận án đề xuất một số giải pháp đối với từng tác nhân tham gia chuỗi giá trị gạo tỉnh An Giang với mong muốn sự thay đổi ở từng tác nhân sẽ góp phần nâng cao giá trị gia tăng và lợi nhuận/kg của toàn chuỗi trong thời gian sắp tới.

ABSTRACT

The dissertation entitled **“Solutions for improving rice value added and the income for poor rice farming households in An Giang Province”** was conducted with 291 observations, including all actors in the rice value chain and other relevant institutions. Based on Kaplinsky and Morris (2001) value chain approach and Eschborn GTZ’s “Value Links” (2007) theory as well as domestic and international literature, the dissertation focuses on rice farming households, especially on poor households (in accordance with Vietnam Standard of Poor Households).

Main objectives of the dissertation are to: (1) analyze the status quo of rice production, processing and consumption in An Giang Province; (2) analyze value added and its distribution among actors in the rice value chain; (3) analyze contribution of value added into income of poor rice farming households; (4) propose some solutions to improve the value added of rice commodity, which in turn will lead to the increase in income of poor rice farming households in An Giang province.

Main results of the dissertation are described below.

- The poor households in An Giang have small and scattered areas used for rice production, thus, they faced with many difficulties during their separate production process, which in turns lead to low possibility to link their production with processing companies. The average yield of those households is less than the average yield in the province. Most poor farming households choose IR50404 rice variety for their production. Their production is mainly based on their experiences and do not apply advanced technology. Moreover, those households mainly buy inputs on credit, which will lead to higher production cost while their market access is lower compared with other farming households’. These are reasons that poor farming households join into lower number of market channels than non-poor farming households.

- There are significant differences in the efficiency of distribution, cost, price, value added and net value added between poor and non-poor group. The dissertation shows that these indicators in poor household group are always lower than in non-poor household group. When price reduces, ceteris paribus, value added and profit per kg of farming households also reduce. When price reduce by 20%, poor farming households will suffer a loss. Besides, as transaction cost reduces and price maintains constant, value added and net

value added of rice producer increase, and simultaneously, the distance of profit per kg indicator between two groups reduces.

- Most market linkages in the value chain are unofficial and loose. Actors in the value chain provide market information and other support mainly based on their private, personal relationship. Since they are considered each other as competitor, horizontal linkages almost does not exist in the value chain. Actors in the value chain have to bear strong market risks and are strongly influenced by those risks.

- In order to improve the value added of rice commodity, which in turns contribute into the increase in income of poor rice farming households in An Giang Province, some solutions for poor farming households are proposed as follows. If poor farming households would like to maintain their separate production process, they should choose either producing 2 rice crops per year or rotating crops in long run. They could still use IR50404 rice variety in short run yet should change into other high quality variety. Poor farming households should actively buy rice seeds in prestige shops as well as should improve their credit and market access in order to reduce their production costs. Besides, it is necessary to focus upon building linkages between farming households and farming households, farming households and rice collectors as well as between farming households and farming cooperatives. However, in order to be in fitted with the policy as well as with trends of rice industry in An Giang Province and Vietnam, poor farming households should transform their production from separate production into cooperative, organized production. Actively joining into cooperatives will create opportunities for poor farming households to participate in strong linkage production model and hence, they will receive a lot of benefits. Besides, in order for the linkages between poor farming household and companies to be stable and persistent, it is necessary that poor farming households shall have strong responsibility and discipline in ensuring all articles in the contract.

Beside solutions for poor farming households, the dissertation also proposes some solutions for each actor in the rice value chain in An Giang province with the expectation that changing in behavior of each actor will contribute into the increase of value added and profit per kg indicators in the rice value chain.

MỤC LỤC

LỜI CẢM TẠ	i
LỜI CAM ĐOAN	ii
TÓM TẮT	iii
ABSTRACT	v
DANH MỤC BẢNG	xi
DANH MỤC HÌNH	xv
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	xvi
CHƯƠNG 1:	1
GIỚI THIỆU	1
1.1 ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1.2 MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU	2
1.2.1 Mục tiêu chung.....	2
1.2.2 Mục tiêu cụ thể.....	2
1.3 CÂU HỎI NGHIÊN CỨU VÀ CÁC GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU	3
1.3.1 Câu hỏi nghiên cứu	3
1.3.2 Các giả thuyết nghiên cứu.....	3
1.4 PHẠM VI GIỚI HẠN CỦA LUẬN ÁN	3
1.4.1 Phạm vi về đối tượng nghiên cứu.....	3
1.4.2 Phạm vi đối tượng khảo sát.....	4
1.4.3 Phạm vi không gian nghiên cứu	5
1.4.4 Phạm vi thời gian nghiên cứu	5
1.5 Ý NGHĨA KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN CỦA LUẬN ÁN	6
1.5.1 Ý nghĩa khoa học của luận án.....	6
1.5.2 Ý nghĩa thực tiễn của luận án.....	6
CHƯƠNG 2:	8
TỔNG QUAN TÀI LIỆU	8
2.1 CÁC NGHIÊN CỨU VỀ CHUỖI GIÁ TRỊ	8
2.1.1 Các nghiên cứu quốc tế về chuỗi giá trị gạo và nông sản	8
2.1.2 Các nghiên cứu trong nước về chuỗi giá trị gạo và nông sản.....	9
2.1.3 Các nghiên cứu về nâng cao giá trị gia tăng.....	12
2.2 CÁC NGHIÊN CỨU VỀ CHUỖI GIÁ TRỊ VÌ NGƯỜI NGHÈO	13
2.3 PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN CHUỖI GIÁ TRỊ	14
2.4 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CHUỖI GIÁ TRỊ	15
2.5 PHƯƠNG PHÁP CHỌN MẪU	17
2.6 BỘ CÔNG CỤ PHÂN TÍCH CHUỖI GIÁ TRỊ	18
2.7 ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN CÁC TÀI LIỆU LƯỢC KHẢO	18
2.8 KHUNG NGHIÊN CỨU	25

CHƯƠNG 3:	28
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	28
3.1 CƠ SỞ LÝ LUẬN	28
3.1.1 Cơ sở lý luận về chuỗi giá trị	28
3.1.2 Cơ sở lý luận về nghèo	34
3.2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	38
3.2.1 Phương pháp chọn vùng nghiên cứu.....	38
3.2.2 Cỡ mẫu và cơ cấu quan sát mẫu	39
3.2.3 Phương pháp thu thập thông tin và số liệu thứ cấp.....	41
3.2.4 Phương pháp thu thập thông tin và số liệu sơ cấp	42
3.3 PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH SỐ LIỆU	43
3.3.1 Phương pháp thống kê mô tả	43
3.3.2 Phương pháp phân tích kinh tế chuỗi.....	43
3.3.3 Mô hình hồi quy đa biến	44
3.3.4 Phân tích màng bao dữ liệu (DEA)	48
CHƯƠNG 4:	50
TỔNG QUAN VỀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU	50
4.1 GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT TỈNH AN GIANG	50
4.1.1 Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên	50
4.1.2 Dân số và lao động.....	51
4.1.3 Cơ sở hạ tầng	51
4.1.4 Kinh tế.....	52
4.2 TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN VÀ TIÊU THỤ LÚA GẠO TẠI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	53
4.2.1 Các vụ lúa chính và giống lúa.....	53
4.2.2 Diện tích sản xuất, sản lượng, năng suất lúa tại vùng ĐBSCL.....	53
4.2.3 Tình hình thất thoát lúa sau thu hoạch	57
4.3 TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN VÀ TIÊU THỤ LÚA GẠO TẠI TỈNH AN GIANG	58
4.3.1 Các vụ lúa chính và giống lúa.....	58
4.3.2 Diện tích sản xuất, sản lượng, năng suất lúa tại tỉnh An Giang.....	59
4.3.3 Tình hình chế biến lúa gạo tại tỉnh An Giang	61
4.3.4 Tình hình tiêu thụ lúa gạo tại tỉnh An Giang	62
CHƯƠNG 5	65
KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN	65
5.1 PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ LÚA GẠO CỦA NÔNG HỘ NGHÈO TẠI TỈNH AN GIANG	65
5.1.1 Giới thiệu đặc điểm của các nhóm nông hộ trồng lúa.....	65
5.1.2 Thực trạng sản xuất lúa của nông hộ nghèo và không nghèo.....	68